

UNIT 2:

HEALTHY LIVING

A CLOSER LOOK 1

- dim light	(n): ánh sáng mờ mờ
- lip balm	(n) : son dưỡng môi
- chapped lips	(n) : môi nứt nẻ
- red spot	(n) : đốm đỏ
- skin condition	(n) : tình trạng da
- soft drink	(n) nước ngọt
- fit	(adj) : gọn gàng, cân đối
- affect	(v): tác động, ảnh hưởng đến
- tofu	(n) : đậu phụ
- touch	(v) : sờ, mó , đụng , chạm
- dirty	(adj) : dơ bẩn
- vitamin	(n) : vi ta min
- active	(adj) : năng động, tích cực
- keep – kept - kept	(v) : giữ